

Bản án số: **02/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 13 - 12 - 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Việt Hà

2. Bà Nguyễn Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Lưu Ngọc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2022/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Hương L**

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Hiện trú tại: Ngõ B, tổ dân phố C, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Đinh Văn T**

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 08/8/2008. Kết hôn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, hay cãi nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, ông T không có trách nhiệm với gia đình. Ngoài ra còn do mâu thuẫn giữa mẹ chồng

nàng dâu cho đến nay không giải quyết được. Chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Đinh Văn T.

- Về con chung: Tôi và ông T có ba con chung là Đinh Ngọc Bảo K - sinh ngày 04/9/2009, Đinh Ngọc Cát T - sinh ngày 03/5/2015 và Đinh Hoàng Q - sinh ngày 16/01/2018. Hiện các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng với tôi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Thu nhập của tôi từ trông trẻ là 20 đến 25 triệu đồng/tháng.

Trong đơn khởi kiện ban đầu, bà L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba con cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Tại phiên tòa bà L trình bày: Cho đến nay do cháu K có nguyện vọng được ở với bố nên tôi đề nghị Tòa giải quyết: Cho ông T được nuôi cháu K, còn tôi nuôi hai cháu T và Q. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản (riêng, chung): không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, riêng (phải trả, lấy về): không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai ngày 13/10/2022, phiên hòa giải ngày 18/10/2022 bị đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi nhất trí với lời trình bày của bà L về phần kết hôn ban đầu. Chúng tôi có đăng ký kết hôn vào ngày 08/8/2008 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Chúng tôi kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc, hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, áp lực công việc cũng như kinh tế, mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu không thể tháo gỡ, có lần vợ tôi còn xảy ra xô xát với mẹ chồng. Bản thân tôi ngoài làm ở Công ty tôi cũng thường xuyên phải đi làm thêm nên cũng không có nhiều thời gian cho gia đình, nhưng tôi cũng không muốn như vậy vì tôi đi làm cũng vì lo kinh tế cho gia đình. Hiện tôi đang thay đổi bản thân và không muốn các con thiếu tình cảm của bố mẹ, tôi vẫn còn tình cảm với vợ nên tôi không đồng ý ly hôn, tôi có nguyện vọng đoàn tụ.

- Về con chung: Tôi và bà L có ba con chung là Đinh Ngọc Bảo K - sinh ngày 04/9/2009, Đinh Ngọc Cát T - sinh ngày 03/5/2015 và Đinh Hoàng Q - sinh ngày 16/01/2018. Hiện các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang sống cùng vợ tôi. Tôi không đồng ý với nguyện vọng về việc nuôi con của vợ tôi. Trong trường hợp phải ly hôn, tôi cũng có nguyện vọng được nuôi cả ba con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tôi đang làm nhân viên bán hàng tại Công ty Viễn thông M, thu nhập ổn định từ lương khoảng 5.500.000 đồng/tháng, ngoài ra tôi còn làm thêm công việc khác khoảng 4-5 triệu đồng/tháng. Tôi có điều kiện nuôi con hơn vợ tôi.

- Về tài sản (riêng, chung): Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, riêng (phải trả, lấy về): Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Việc Tòa án chuyển hồ sơ chưa đủ 15 ngày làm ảnh hưởng đến việc nghiên cứu hồ sơ của Viện kiểm sát.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS năm 2015.

- Bị đơn cơ bản đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật tại Điều 70, 72 BLTTDS năm 2015. Vắng mặt không có lý do ở phiên hòa giải và phiên tòa không có lý do.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Hương L về việc ly hôn với ông Đinh Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Đinh Ngọc Cát T, sinh ngày 03/5/2015 và cháu Đinh Hoàng Q, sinh ngày 16/01/2018 cho bà L và giao cháu Đinh Ngọc Bảo K, sinh ngày 04/9/2009 cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc người trực tiếp nuôi con có thể thay đổi nếu các bên có thỏa thuận hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Bà Trần Hương L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Tòa án chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cần đảm bảo thời gian nghiên cứu, theo quy định tại Khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án do Tòa án đã tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ là Lấy lời khai của đương sự nên thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để cử kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

- Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 132 của UBND nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn cùng lời khai của các đương sự xác định: Bà L và ông T có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 08/8/2008 là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình giải quyết các đương sự đã thống nhất nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về nhiều mặt, mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu không thể tháo gỡ. Theo nguyên đơn vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Theo bị đơn: Bản thân ông T ngoài làm ở Công ty cũng thường xuyên phải đi làm thêm lo kinh tế nên cũng không có nhiều thời gian cho gia đình.

Tuy thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nhưng ông T cho rằng đang thay đổi bản thân và không muốn các con thiếu tình cảm của bố mẹ, ông T vẫn còn tình cảm với vợ nên ông T không đồng ý ly hôn, có nguyện vọng đoàn tụ. Còn bà L cho rằng đã cho ông T rất nhiều cơ hội nhưng ông T vẫn không thay đổi, cho đến nay bà L không còn tình cảm gì với ông T, kiên quyết xin được ly hôn.

Trên cơ sở lời khai của các đương sự, có căn cứ để xác định: bà L, ông T hiện không còn quan tâm gì đến nhau, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng (nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau...) làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện và giải quyết cho bà L được ly hôn với ông T.

[3.2] Về con chung:

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều có nguyện vọng được nuôi cả ba con, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa bà L yêu cầu giải quyết: Ông T sẽ nuôi cháu K, còn bà L nuôi hai cháu T và Q. Nguyên vọng mong muốn được nuôi con của hai bên đều chính đáng. Tuy nhiên, ông T không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu được nuôi con của mình là có căn cứ, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do được coi là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Bà L có cung cấp cho Tòa án chứng cứ để chứng minh thu nhập của mình và văn bản trình bày nguyện vọng của các con là cháu K, T. Do đó, căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giải quyết về con chung của bà L vì phù hợp với nguyện vọng của các con, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với điều kiện thực tế của hai bên và vì lợi ích của các con.

[3.3] Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Từ những phân tích trên, các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Hương L.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Hương L được ly hôn với ông Đinh Văn T.

2. Về con chung: Bà Trần Hương L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đinh Ngọc Cát T - sinh ngày 03/5/2015 và Đinh Hoàng Q - sinh ngày 16/01/2018; ông Đinh Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đinh Ngọc Bảo K - sinh ngày 04/9/2009 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Hương L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001989 ngày 05/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (Bà L đã nộp đủ tiền án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo

bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/12/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP ĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND phường T, TP ĐBP;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ